

Ngày 31/03/2024	7,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.7%	6.1%	2.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,800 - 9,530
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,007
Số lượng CPLH (CP)	395,661,775
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,577,525
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	1.31
EPS	32
P/E	234.9

DT thuần
Q1/24

69.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼29.4| -29.9%

YoY: ▼12.0| -14.9%

LN trước thuế
Q1/24

7.09

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.63| 1441%

YoY: ▲ 5.76| 433%

LN sau thuế
Q1/24

4.76

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.89| -15.7%

YoY: ▲ 2.80| 143%

ROA
2023

0.1%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần
2023

371

tỷ VNĐ

YoY: ▼522| -58.4%

LN trước thuế
2023

16.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼62.5| -79.3%

LN sau thuế
2023

15.4

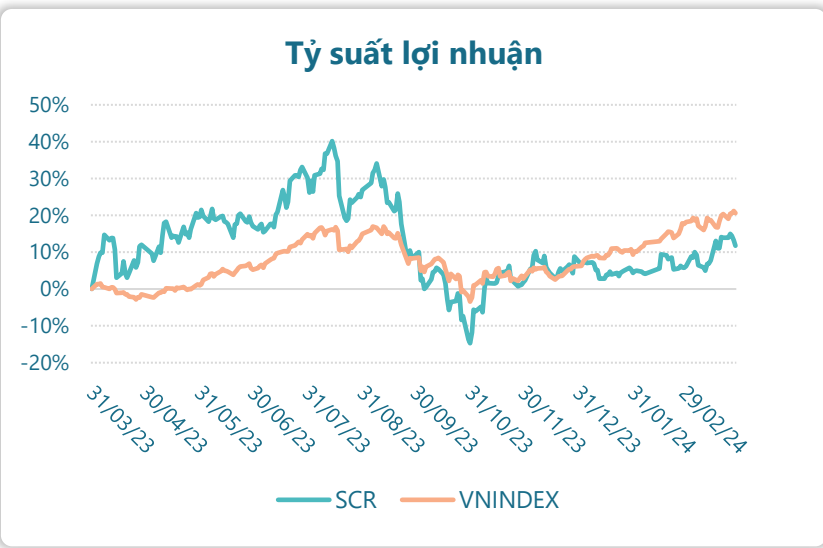
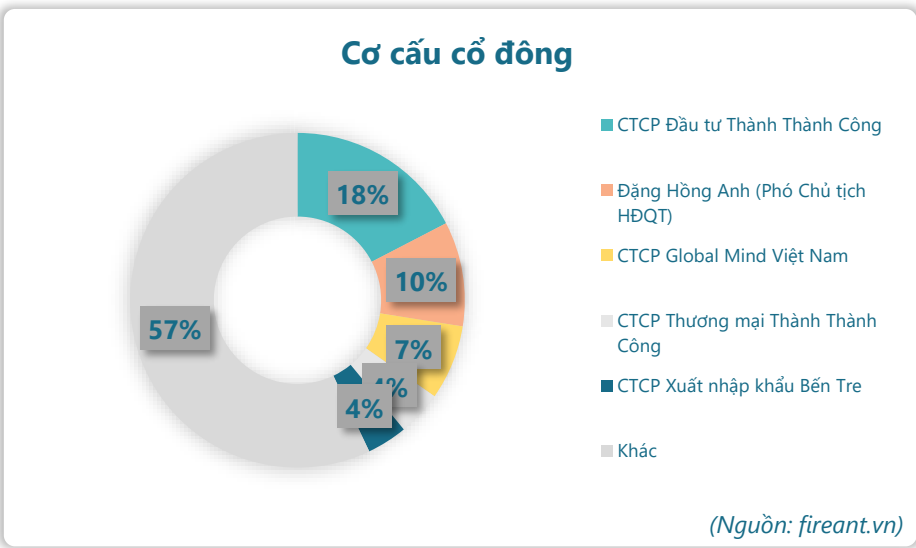
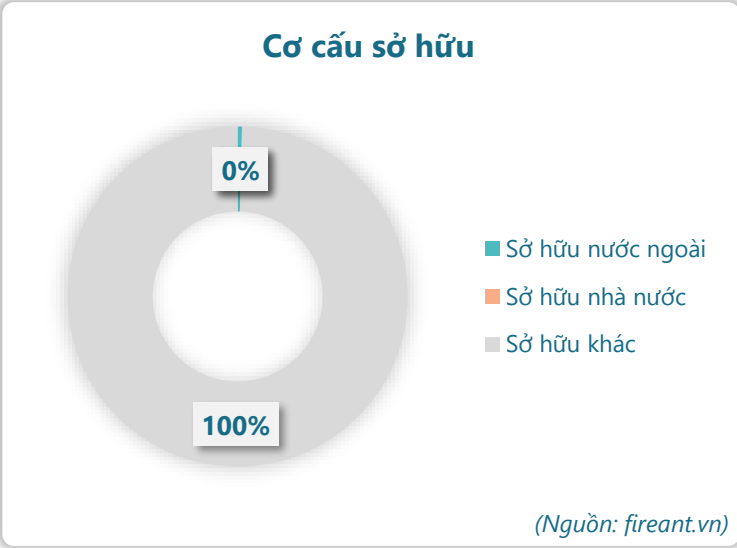
tỷ VNĐ

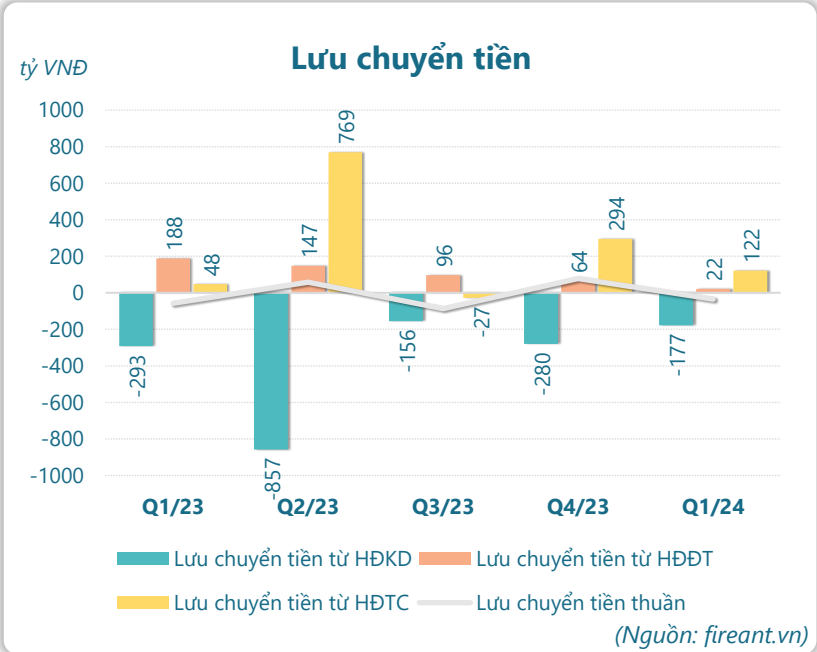
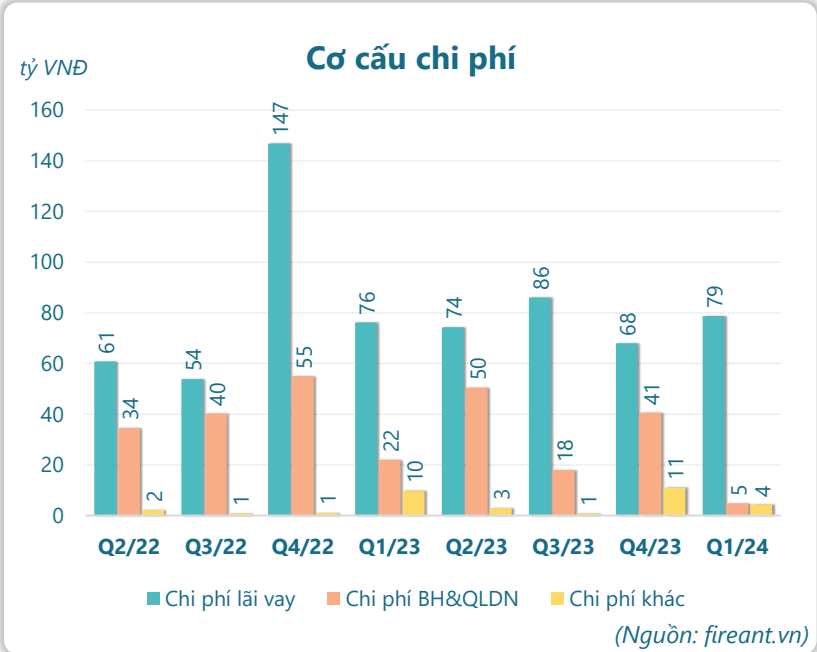
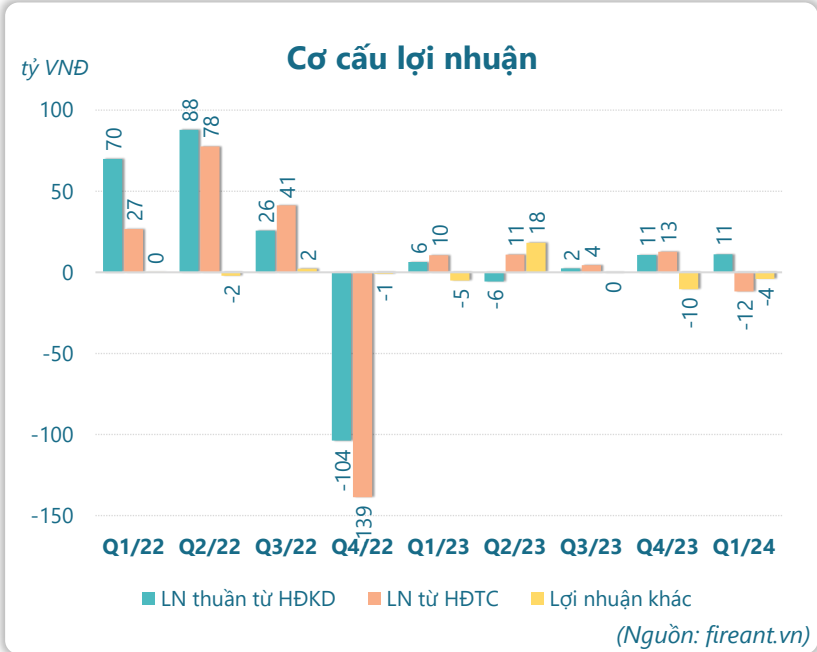
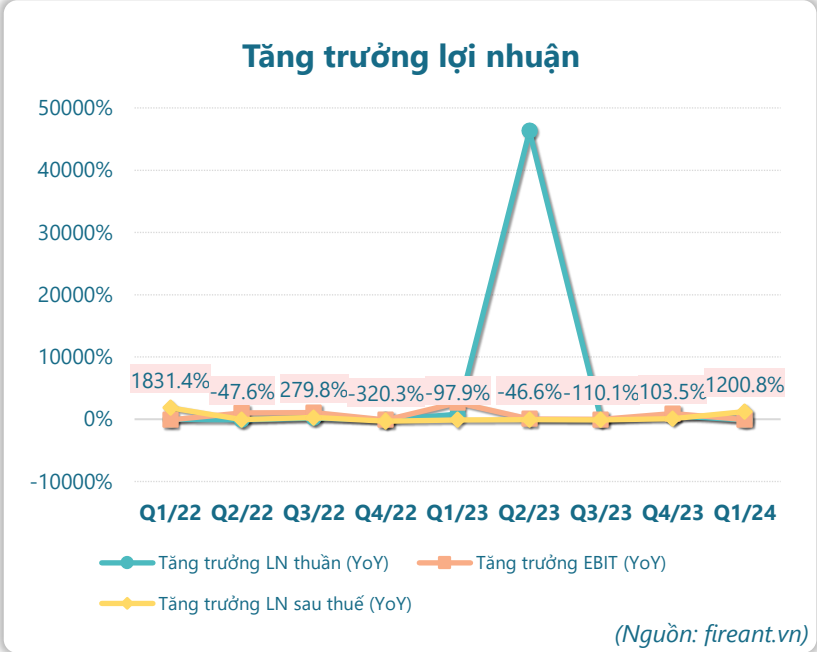
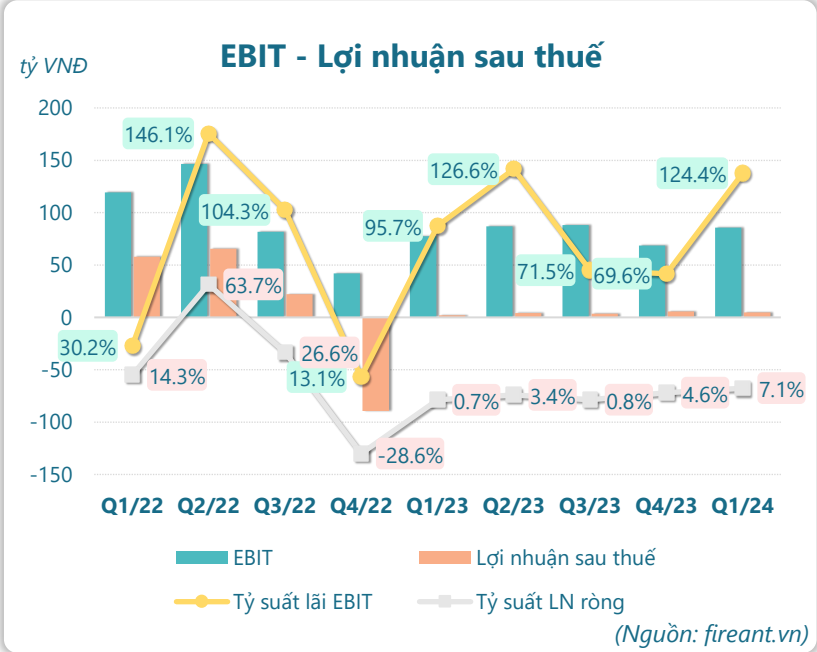
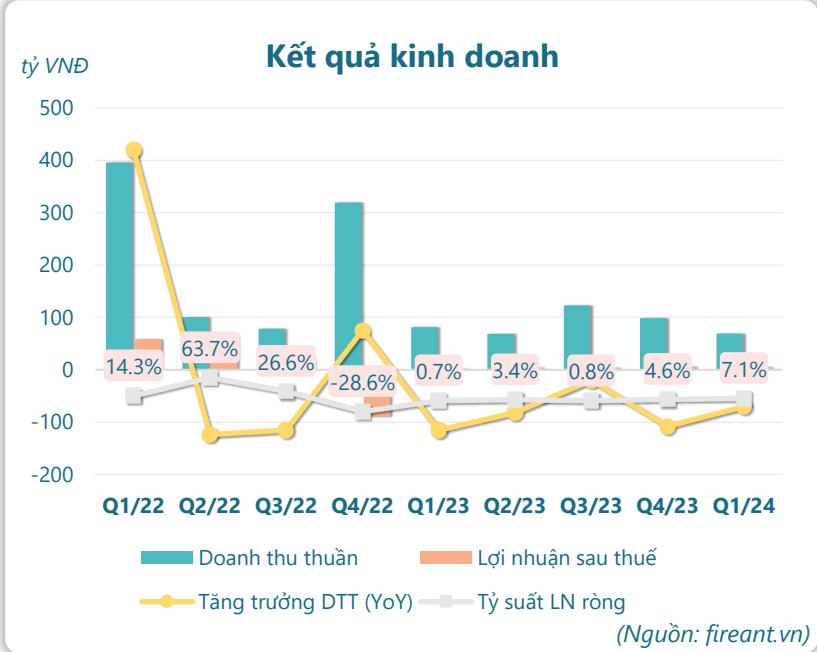
YoY: ▼40.7| -72.5%

ROE
2023

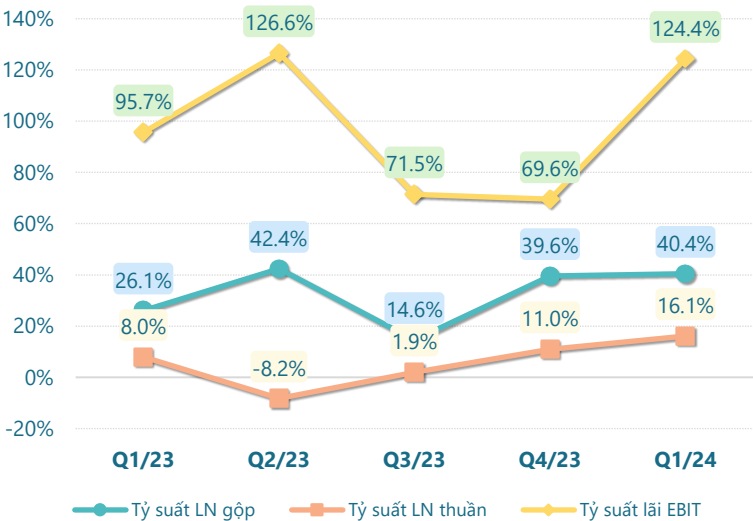
0.2%

+/- YoY: ▼ 0.8%



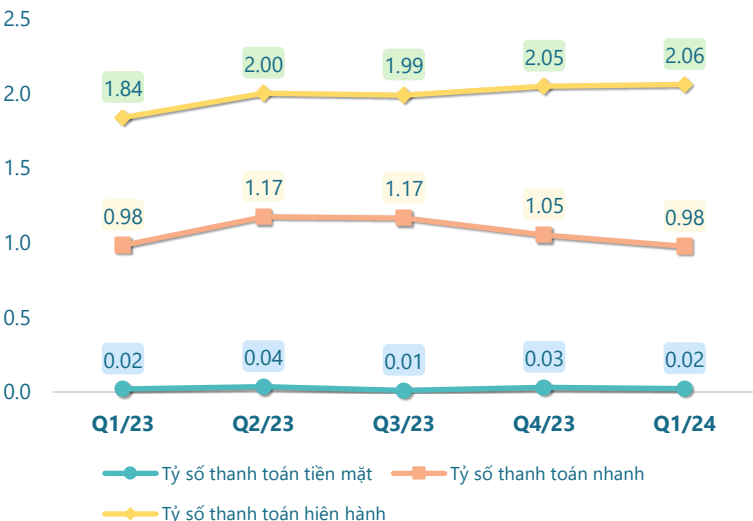


Tỷ suất lợi nhuận



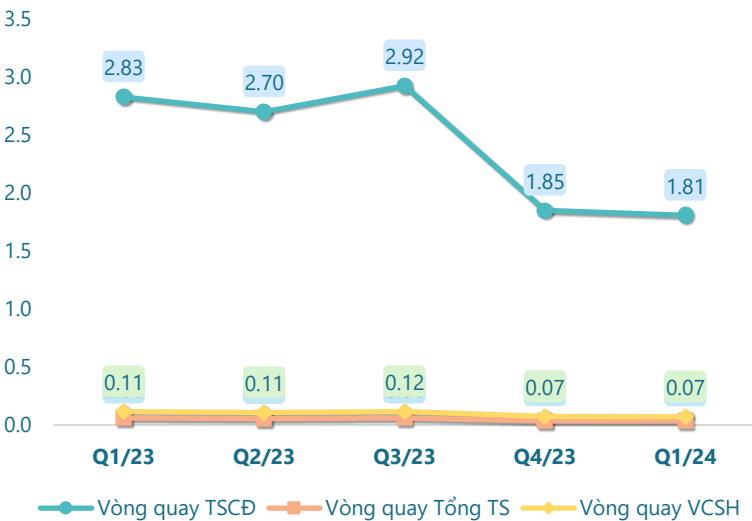
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



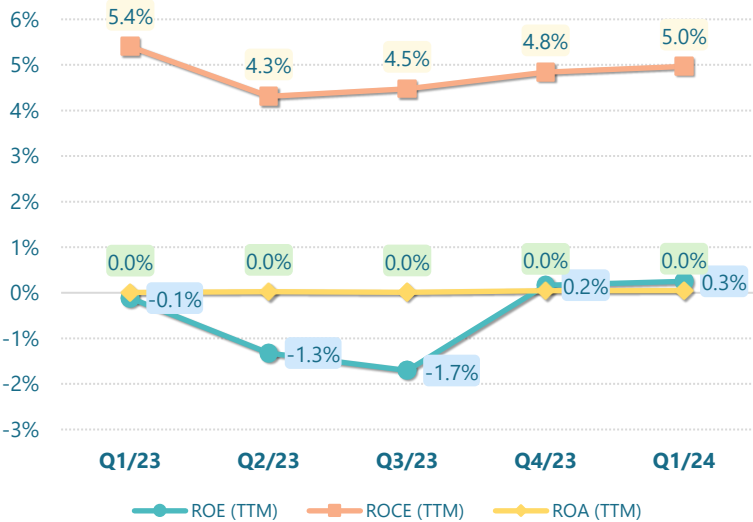
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



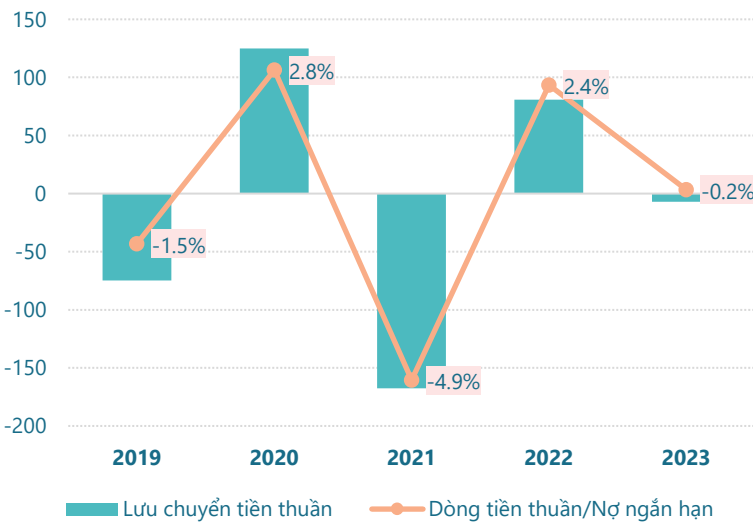
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



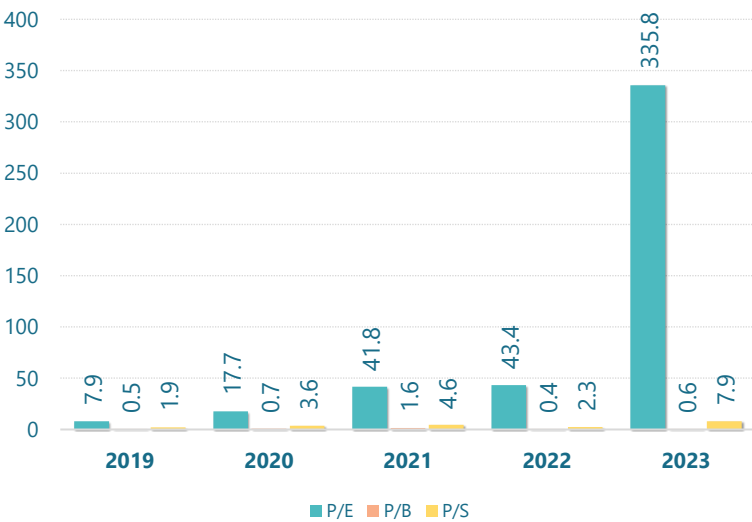
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)